

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

**1. Tên nhiệm vụ, mã số:**

- Tên nhiệm vụ: Mô hình sản xuất liên kết chuỗi giá trị từ nuôi trồng, chế biến, sản xuất và tiêu thụ nguyên liệu và chế phẩm bảo vệ sức khỏe từ nấm sò vàng Tamogi (*Pleurotus citrinopileatus singer*) góp phần nâng cao giá trị và phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch cho vùng trung du phía Bắc.

- Mã số: 08/HĐ-KHCNNTM-2025

- Thuộc: Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

**2. Mục tiêu nhiệm vụ:**

**2.1. Mục tiêu chung:**

Thiết lập, vận hành, duy trì và phát triển được mô hình sản xuất liên kết chuỗi giá trị từ nuôi trồng, chế biến, sản xuất và tiêu thụ nguyên liệu, chế phẩm bảo vệ sức khỏe từ nấm sò vàng Tamogi, góp phần nâng cao giá trị và phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch cho vùng trung du phía Bắc.

**2.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Tiếp nhận và hoàn thiện được quy trình công nghệ nhân giống, trồng và chế biến nấm sò vàng Tamogi.

- Xây dựng được mô hình trồng nấm sò vàng Tamogi ứng dụng công nghệ cao cho năng suất và chất lượng hoạt chất cao theo tiêu chuẩn GACP-WHO.

- Xây dựng được mô hình chuỗi giá trị gắn nuôi trồng với chế biến, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm OCOP từ nấm sò vàng - Tamogi gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương và người dân trong quản lý, tổ chức, triển khai, sản xuất nguyên liệu và sản phẩm từ sò vàng - Tamogi theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch nông thôn

**3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Phương**

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Công ty cổ phần VietRAP đầu tư thương mại

5. Tổng kinh phí thực hiện: 8.123 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.000 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 4.123 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 17/02/2025

Kết thúc: 12/2025

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: Gia hạn đến 30/06/2026 (Quyết định số 17/QĐ-BNNMT ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	Nguyễn Thị Hoài Phương	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga
2	Nguyễn Vũ Thu Phương	Cử nhân	Công ty cổ phần VietRAP đầu tư thương mại
3	Vũ Thị Hồng Trang	Thạc sĩ	Công ty cổ phần VietRAP Đầu tư Thương mại
4	Vũ Thị Hồng Nhung	Thạc sĩ	Công ty cổ phần VietRAP Đầu tư Thương mại
5	Nguyễn Thị Phương	Thạc sĩ	Viện Vật liệu, Sinh học và Môi trường
6	Vũ Mạnh Nhật	Cử nhân	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nấm

## II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Quy trình công nghệ bảo quản lưu giữ, bảo quản và nhân giống nấm sò vàng		X			X			X	

	Tamogi cấp cơ sở								
2	Quy trình trồng và chăm sóc nấm sò vàng Tamogi cấp cơ sở		X			X			X
3	01 mô hình bảo quản, lưu giữ và nhân giống nấm sò vàng Tamogi với quy mô 300m <sup>2</sup>		X			X			X
4	01 mô hình trồng nấm sò vàng Tamogi trong nhà kín có kiểm soát điều kiện nuôi trồng 500m <sup>2</sup>		X			X			X
5	01 mô hình trồng nấm sò vàng Tamogi trong nhà thoáng khí 500m <sup>2</sup>		X			X			X
6	Quy trình công nghệ chế biến tạo sản phẩm trà túi lọc, dịch chiết từ nấm sò vàng Tamogi cấp cơ sở		X			X			X
7	01 cơ sở chế biến, chiết xuất hoạt chất, bảo quản từ nấm sò vàng tamogi quy mô 200m <sup>2</sup>		X			X			X
8	Sản lượng nấm sò vàng Tamogi tươi đạt 30.000 tấn, trong đó đã bao gồm sản phẩm tươi để sấy được 500kg nấm sò vàng khô để chế biến thành 50kg bột cốm nấm sò vàng ( 400 sản phẩm trà cốm + 1000 sản phẩm trà túi lọc), 3000l dịch chiết nấm sò vàng Tamogi (10.000 sản phẩm)		X			X			X
9	Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm: - Nấm sò vàng tamogi tươi - Nấm sò vàng tamogi khô - Trà túi lọc		X			X			X

	- Trà cốm - Dịch chiết nấm								
10	01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành		X			X			X
11	Đăng ký sản phẩm Ocop cấp tỉnh cho 4 sản phẩm		X			X		X	
12	Đăng ký sản phẩm bảo vệ sức khỏe cho 3 sản phẩm: - Tamo Gold – Dịch chiết nấm - Tamogi instant tea – Trà cốm Tamogi - Trà túi lọc Tamo Gift		X			X		X	
13	Đăng ký bản quyền mẫu mã các sản phẩm với Cục sở hữu trí tuệ		X			X		X	
14	01 Báo cáo quy trình vận hành chuỗi giá trị sản xuất nấm sò vàng Tamogi tại Lương Sơn, Phú Thọ từ khi chuẩn bị giống – ươm trồng – chăm sóc – thu hái – chế biến- quảng bá và tiêu thụ sản phẩm		X			X		X	
15	01 bộ catalogue, 04 bộ mẫu mã nhãn hiệu của sản phẩm dự án		X			X		X	
16	Tổ chức 1 hội nghị xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá sản phẩm của dự án tới người tiêu dùng, các DN quan tâm đến sản phẩm		X			X		X	
17	Tham gia 01 hội chợ ngành nông nghiệp hàng năm tại Hà Nội nhằm quảng bá giới thiệu sản phẩm của dự án		X			X		X	
18	Tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái		X			X		X	

	và sơ chế chế biến nấm sò vàng Tamogi theo tiêu chuẩn GACP-WHO cho 100 người bao gồm cán bộ, các hộ nông dân tham gia dự án									
19	Tổ chức tập huấn kỹ thuật chế biến sản phẩm trà túi lọc, trà cốm và dịch chiết từ Nấm sò vàng Tamogi cho 100 người bao gồm cán bộ, các hộ nông dân tham gia dự án		X				X			X
20	Các đề xuất các giải pháp phát triển du lịch theo chuỗi giá trị tại Phú Thọ gắn với du lịch cộng đồng		X				X			X

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):  
Không có

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có): Không có

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Dự án phát triển chuỗi giá trị khép kín từ nuôi trồng - chế biến - thương mại hóa dựa trên nấm sò vàng Tamogi thay vì chỉ sản xuất nấm tươi như mô hình truyền thống, giúp gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Dự án nghiên cứu quy trình và ứng dụng chế biến sâu để tạo ra các sản phẩm như trà túi lọc, trà cốm và dịch chiết giàu  $\beta$ -glucan, đây là hướng đi mới tại địa phương đối với sản phẩm nấm dược liệu.

- Chuỗi giá trị của dự án gắn với phát triển du lịch nông nghiệp và sản phẩm OCOP, giúp du khách vừa trải nghiệm sản xuất vừa tiếp cận sản phẩm đặc trưng địa phương, tạo thêm giá trị cho ngành du lịch.

- Dự án tạo việc làm cho số lượng lớn lao động nữ tại địa phương, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới và phát triển sinh kế bền vững trong cộng đồng nông thôn.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

- Dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt cho địa phương thông qua việc tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân tham gia. Trong quá trình triển khai, dự án đã tạo ra hơn 70 việc làm mới cho lao động địa phương, bao gồm các hoạt động sản

xuất, sơ chế, chế biến, vận hành và dịch vụ liên quan. Qua đó góp phần mở rộng cơ hội sinh kế ổn định cho người dân.

- Thu nhập bình quân của người lao động tham gia dự án đạt khoảng 6.000.000 đồng/người/tháng. Nguồn thu nhập ổn định này không chỉ góp phần cải thiện đời sống vật chất của người dân mà còn tạo điều kiện nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội khác.

- Bên cạnh hiệu quả trực tiếp về việc làm và thu nhập, dự án còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương thông qua việc hình thành chuỗi giá trị sản xuất – chế biến – tiêu thụ sản phẩm, tăng giá trị gia tăng cho nông sản và dược liệu địa phương, đồng thời tạo động lực cho các hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch liên quan phát triển.

### 3.2. Hiệu quả xã hội

- Dự án mang lại nhiều hiệu quả xã hội tích cực đối với cộng đồng địa phương, đặc biệt trong việc nâng cao chất lượng đời sống, tạo sinh kế bền vững và thúc đẩy sự tham gia của người dân vào các hoạt động phát triển kinh tế tại địa phương. Thông qua việc tạo ra hơn 70 việc làm mới, dự án đã góp phần giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm tại khu vực nông thôn, hạn chế tình trạng lao động trẻ rời địa phương để tìm việc tại các đô thị lớn. Việc có thu nhập ổn định khoảng 6.000.000 đồng/người/tháng giúp cải thiện điều kiện sống của các hộ gia đình tham gia dự án, đồng thời nâng cao mức độ ổn định kinh tế và an sinh xã hội trong cộng đồng.

- Phần lớn lao động tham gia dự án là phụ nữ địa phương. Việc tạo cơ hội việc làm ổn định cho lao động nữ không chỉ góp phần nâng cao thu nhập và vị thế kinh tế của phụ nữ trong gia đình mà còn tạo điều kiện để phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động sản xuất, quản lý và phát triển kinh tế cộng đồng. Qua đó, dự án góp phần thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế nông thôn và tăng cường tính bao trùm xã hội trong quá trình triển khai dự án.

- Dự án còn góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng cho người dân thông qua quá trình đào tạo tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chế biến và quản lý chất lượng sản phẩm. Người dân từng bước tiếp cận với phương thức sản xuất an toàn, có tổ chức và gắn với chuỗi giá trị hàng hóa, từ đó nâng cao tính chủ động và năng lực phát triển kinh tế hộ gia đình.

## III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn

- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc

- Đạt



- Không đạt



Giải thích lý do:

- Các sản phẩm, tài liệu và kết quả thực hiện của dự án đầy đủ về chủng loại, số lượng và khối lượng, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu nghiệm thu.

- Dự án hoàn thành đầy đủ các nội dung chính theo thuyết minh, đảm bảo yêu cầu về chuyên môn, kỹ thuật và hồ sơ liên quan.

- Kết quả dự án có giá trị thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, nghiên cứu và khả năng ứng dụng tại đơn vị triển khai.

- Sản phẩm 01 bài báo: Có 01 bài báo đã đăng nhưng đối tượng nghiên cứu là nấm "*Pleurotus ostreatus*", không phải là đối tượng nghiên cứu nấm "*Pleurotus citrinopileatus*" của nhiệm vụ nên xét chất lượng không đạt. Tuy nhiên, nhiệm vụ đã xem lại nhằm lần khi gửi đăng và có thể đăng chính trong Tạp chí. Đồng thời, nhiệm vụ có 04 bản thảo bài báo có nội dung đúng đối tượng nghiên cứu đã gửi tạp chí, đã có 1 bài có chấp nhận đăng và có thể được đăng trước khi hết thời hạn thực hiện dự án. Nên vẫn có thể hoàn thành sản phẩm dự án.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**

(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)

Nguyễn Thị Hoài Phương

**THỦ TRƯỞNG**

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**

Vũ Thị Vân Phương